

Bảo tồn không gian làng nghề nón lá truyền thống thôn Tri Lễ, xã Tân Ước, huyện Thanh Oai

Preservation of the traditional conical hat making space at Tri Le hamlet, Tan Uoc village, Thanh Oai district

Trương Thị Thanh Diễm, Nguyễn Hằng Nga, Trần Đức Minh, Phạm Đức Anh
Lê Xuân Hùng

Tóm tắt

Là một nước kinh tế còn phụ thuộc chủ yếu vào nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, việc thúc đẩy hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, trong đó bao gồm cả việc bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống ở Việt Nam là việc làm cần thiết. Đóng góp của các làng nghề đã tạo ra nhiều nét khởi sắc cho kinh tế địa phương. Tuy nhiên, có một thực tế đáng báo động đang diễn ra, đó là sự suy giảm nghiêm trọng về quy mô và chất lượng các làng nghề truyền thống. Làng nghề nón lá Tri Lễ - Thanh Oai cũng không phải là một ngoại lệ. Nằm ở cửa ngõ phía Tây Nam thủ đô Hà Nội được biết đến là một làng làm nón lá nổi tiếng và độc đáo đứng trước nguy cơ làng nghề đang bị mai một. Dựa vào những gì mà Tri Lễ đã và đang làm được thì việc đưa làng nghề nón lá Tri Lễ trở thành điểm nhấn trong sự phát triển du lịch trải nghiệm làng nghề ở Việt Nam là vấn đề cần nghiên cứu một cách nghiêm túc.

Từ khóa: Nông thôn, làng nghề, truyền thống

Abstract

As a country that still depends mainly on agriculture and light industry, promoting the modernization of agriculture and rural areas, including the preservation and development of traditional craft villages in Vietnam, is a necessary job. Contributions of craft villages have created many flourishing features for the local economy.

However, there is an alarming fact that is happening, which is a serious decline in the size and quality of traditional craft villages. Tri Le, Thanh Oai conical hat craft village is not an exception. Located at the southwest gateway of Hanoi capital, it is known as a famous and unique conical hat-making village facing the danger of being lost. Based on what Tri Le has been doing, making Tri Le conical hat craft village become a highlight in the development of handicraft village experience tourism in Vietnam is a matter that needs to be studied seriously.

Key words: Rural, craft village, traditional

Trương Thị Thanh Diễm, Nguyễn Hằng Nga,
Trần Đức Minh, Phạm Đức Anh

ĐT: 0868061298; Email: thanhdiem7673@gmail.com

TS.KTS.Lê Xuân Hùng

Bộ môn Quy hoạch Đô thị và Nông thôn, Khoa Quy hoạch
ĐT: 0936800809

Email: hung.lexuan.march.ud.hau@gmail.com

Ngày nhận bài: 18/6/2021

Ngày sửa bài: 20/7/2021

Ngày duyệt đăng: 29/7/2021

1. Mở đầu

Xuất phát và tồn tại ở nông thôn, gắn bó chặt chẽ với cuộc sống quần cư nông nghiệp, các làng nghề truyền thống xuất hiện trong từng làng - xã ở nông thôn sau đó các ngành nghề thủ công nghiệp được tách dần nhưng không rời khỏi nông thôn. Sản xuất nông nghiệp và sản xuất - kinh doanh thủ công nghiệp trong các làng nghề đan xen lẫn nhau. Người thợ thủ công trước hết và đồng thời là người nông dân, đặc biệt là các làng nghề truyền thống thường đơn giản, sử dụng kỹ thuật thủ công là chủ yếu. Cấu trúc không gian làng nghề truyền thống, bao gồm các thành tố cấu thành là không gian vật thể và không gian phi vật thể.

Làng nghề truyền thống trên địa bàn thành phố Hà Nội có mật độ lớn, nằm dọc các trục đường giao thông và gắn liền với những di tích lịch sử, văn hóa, lễ hội, nên rất thuận lợi cho các công ty du lịch lữ hành đầu tư, xây dựng những tour, tuyến du lịch. Tại các khu vực làng nghề phần lớn kiến trúc được phát triển một cách tự phát, những làng xã đang mất dần những giá trị truyền thống. Hình thức kiến trúc tại các làng xã thiếu đặc thù, nhà cửa xây dựng bám theo các tuyến đường đã vi phạm hành lang an toàn giao thông, dễ điều và chiếm dụng khá nhiều đất canh tác. Cảnh quan thôn quê đang lâm vào tình trạng suy thoái nhiều mặt. Các làng nghề truyền thống chưa thiết lập được sự phát triển ổn định, thiếu một định hướng thống nhất và thiếu kiểm soát chặt chẽ đã làm bộ mặt kiến trúc công trình được tạo lập riêng lẻ, chất lượng kiến trúc thấp, cảnh quan làng quê hiện nay vẫn nặng về chắp vá không đồng bộ, cơ sở hạ tầng thiếu và xuống cấp, thiên nhiên bị xâm phạm, môi trường không gian bị ô nhiễm

Làng nghề nón lá Tri Lễ là một làng quê cổ với nhiều nét truyền thống được lưu lại, trong đó nổi bật nhất là về truyền thống làm nghề Nón Lá có từ lâu đời. Nón lá Tri Lễ có tuổi đời ít hơn nón Chuông nhưng cũng đã có từ lâu đời, là một sản phẩm xuất hiện sau khi bộ phim Thủy Hử phát sóng. Một sản phẩm sáng tạo của người dân trong làng nhờ sự đam mê phim ảnh và nhân vật anh hùng trong phim. Không chỉ làm nón lá truyền thống, người dân còn sáng tạo ra nhiều sản phẩm tương tự nhưng có hình dáng khác và đặc biệt là sản phẩm nón lá Lâm Xung nhiều nơi yêu thích sử dụng.

Không gian ở và sản xuất trong làng nghề truyền thống thôn Tri Lễ có diện tích không quá lớn nhưng có khuynh hướng đa năng trong không gian ở của ngôi nhà. Trong tiến trình phát triển làng xã nông thôn cùng với quá trình hình thành các nghề truyền thống, không gian sản xuất gắn liền mật thiết với không gian ở. Vẫn là nơi ở vừa là nơi tổ chức sản xuất thủ công. Sản xuất nông nghiệp trở thành thứ yếu trong các hộ gia đình.

Không gian văn hóa tín ngưỡng (đình; chùa; miếu;...) là biểu tượng tập trung nhất của làng xã về mọi phương diện. Trước hết đó là trung tâm hành chính, nơi diễn ra mọi công việc quan trọng nhất của làng. Đình còn là trung tâm văn hóa, nơi tổ chức hội hè, ăn uống, giao lưu,... và quan trọng nhất, Đình còn là trung tâm về mặt tôn giáo. Thổ đất, hướng đình được xem là quyết định vận mệnh cả làng, là nơi thờ Thành hoàng bảo trợ cho làng. Đình làng



Hình 1. Hình ảnh làng nghề truyền thống



Hình 2. Hiện trạng không gian ở và sản xuất ở làng nghề

là kho tàng phong phú về điều khắc dân gian, phản ánh đời sống làng nghề người nông dân và lý tưởng thẩm mỹ của người dân địa phương.

Tri Lễ có làng nghề truyền thống nổi bật là nghề đan nón lá, được công nhận vào năm 2001. Với vị trí nằm ở trong hành lang xanh của quy hoạch chung thành phố Hà Nội và thuộc huyện Thanh Oai, được biết đến là vùng đất với nhiều làng nghề truyền thống đặc sắc, làng nghề thủ công của thôn đã được công nhận và nằm trong hệ thống các điểm làng nghề của khu vực Hà Tây cũ. Vì vậy, Tri Lễ có cơ hội kết nối với các điểm văn hóa hiện có hình thành điểm du lịch tại vị trí kết thúc của hành lang xanh.

Những năm gần đây, nón lá Tri Lễ được biết đến nhiều hơn nhờ những sản phẩm mới có kiểu dáng độc đáo, tiện dụng. Chính những chiếc nón này đã mang lại thu nhập cao cho người dân. Để giữ nghề và tồn tại với nghề, những người thợ đã nỗ lực tìm tòi, sáng tạo ra những sản phẩm kiểu dáng mới, đồng thời cải tiến mẫu mã cũ.

Hạ tầng cơ sở phục vụ phát triển du lịch làng nghề tại làng nón lá Tri Lễ còn rất hạn chế. Thiếu rất nhiều các hạng mục cơ bản như hệ thống bãi đỗ xe tập trung, trung tâm giới thiệu sản phẩm làng nghề,... Hệ thống các công trình thông tin cho khách du lịch như phòng thông tin du lịch, bảo tàng làng nghề còn rất thiếu, hiện mới chỉ là kế hoạch trên giấy, chưa được triển khai thiết kế và đầu tư xây dựng.

2. Những thành tố tạo giá trị không gian kiến trúc cảnh quan làng nghề truyền thống

Nghề: Những làng nghề truyền thống Hà Nội nổi tiếng còn tồn tại đến ngày nay hầu hết là những ngôi làng cổ có nghề lâu đời. Hình thành hàng trăm năm trước đây, dựa trên hai yếu tố rất cơ bản là vùng nguyên liệu và điều kiện giao

thông, mà đường thủy là chính, khẳng định tính truyền thống của nghề thủ công Việt Nam và làng nghề. Để khẳng định sự tồn tại của nó qua hình thái kinh tế xã hội hay các phương thức sản xuất khác nhau, để góp phần khẳng định được các giá trị văn hóa đích thực và ngôi vị lịch sử của nó trong quá trình tồn tại và phát triển của lịch sử dân tộc.

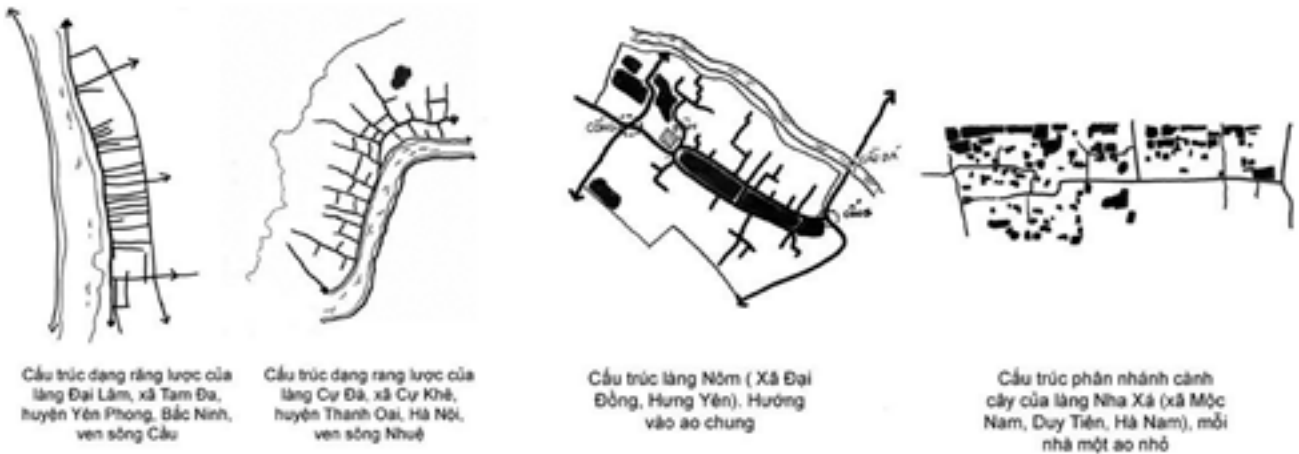
Cấu trúc làng: truyền thống Bắc bộ (hình xương cá, dạng mảng, ven sông...). Không gian kiến trúc luôn bám lấy cảnh quan, mặt đất làm điểm tựa. Từ nhà ở truyền thống đến công trình văn hóa công cộng, công trình tôn giáo tín ngưỡng, kiến trúc luôn hài hòa với thiên nhiên, có sự mật thiết, chúng gắn kết và tôn nhau lên. Bắt đầu từ đầu làng đã có điểm mốc dẫn về không gian văn hóa (cổng làng, cây đa, cây gạo, cái cầu...). Về cấu trúc tổ chức không gian, làng nghề truyền thống thường có cách tổ chức không gian theo hình thức làng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ với hình thái cấu trúc theo mô hình xương cá, khép kín... Cấu trúc hình xương cá (một số trường hợp còn gọi là răng lược), trục đường làng chính đóng vai trò trục xương sống kết nối tất cả không gian trong làng; các công trình công cộng truyền thống nằm tại vị trí quan trọng về mặt hình thái hình học trên đường làng chính (đình làng ở đầu làng, giếng làng giữa làng, cổng làng ở cuối làng).

Công trình: Các công trình văn hóa lịch sử (đình, chùa, đền, miếu, nhà thờ họ, tổ nghề...) & những ngôi nhà cổ cùng với sự hình thành ngôi làng, được xây dựng hàng trăm năm trước theo lối kiến trúc gỗ - đá thời kỳ phong kiến – Pháp thuộc, là nơi diễn ra các hoạt động tôn giáo tín ngưỡng, ở, sản xuất nghề.

Hình thức kiến trúc: Mặt ngoài công trình là thoáng nhẹ, chắc chắn, không gây cảm giác nặng nề. Các chi tiết cửa, bệ, thềm, chân cột được chia theo mảng đơn giản nhưng



Hình 3. Đình, chùa Tri Lễ



Hình 4. Cấu trúc làng Việt

nhìn gần thì được xử lý bằng các chi tiết, gờ chỉ, hoa văn sinh động; Mặt cắt và bố trí nội thất chủ yếu làm bằng gỗ được thể hiện toàn bộ trong mỗi mặt cắt của công trình. Chính vì vậy, sự mạch lạc về hệ chịu lực đỡ mái: hệ khung cột, bộ vì, kẻ, bẩy, hoành, rui, mè, ... tạo nên giá trị thẩm mỹ nội thất kiến trúc. Màu sắc công trình: thường có màu nâu nhạt hoặc màu nâu đỏ của các mái ngói, màu nâu xám của các cánh cửa gỗ, tường có màu vôi trắng hoặc màu đỏ tự nhiên của gạch. Màng tường vôi trắng, cộng sinh lên bởi màu đỏ của ngói hay màu nền sân gạch. Màu sắc của các công trình tôn giáo tín ngưỡng: thường phong phú hơn bởi các họa tiết trang trí.

Giá trị văn hóa xã hội.: Trải qua hàng thế kỷ phát triển, nét văn hóa làng nghề được hình thành lưu giữ phong tục tập quán, đời sống, lao động sản xuất của từng người dân. Làng nghề nước ta phản ánh cuộc sống cư dân nông nghiệp gắn liền với cơ chế sản xuất mùa vụ, mang đặc trưng của chế độ làng xã, trong đó bao gồm cả yếu tố dòng họ. Làng nghề không chỉ phản ánh mối quan hệ giữa “nghề” với “nghiệp” mà còn chứa đựng những giá trị tinh thần đậm nét, được phản ánh qua các tập tục, tín ngưỡng, lễ hội và nhiều quy định khác

3. Quan điểm về bảo tồn làng nghề truyền thống

Để bảo tồn một làng nghề truyền thống, không đơn giản là lo xây dựng cơ sở hạ tầng, đường xá... mà cốt lõi là phải làm cho sản phẩm làng nghề có chỗ đứng trên thị trường, người dân phải sống được bằng nghề truyền thống như trước đây cha ông họ đã vì kiếm sống mà sinh ra nghề. Nói cách khác, quan điểm tiếp cận về bảo tồn là duy trì những hệ cấu trúc vật thể và phi vật thể nhưng phải mang lại sức sống

thời đại, đảm bảo sự phát triển chung của xã hội.

Theo như quyết định số: 2636/QĐ-BNN-CB về việc phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề cũng đã đề cập tới bốn quan điểm rõ ràng về vấn đề bảo tồn và phát triển làng nghề:

Một là, bảo tồn và phát triển làng nghề trên cơ sở phát triển hài hòa giữa sản xuất hàng hóa với bảo vệ môi trường và gìn giữ, phát huy giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bảo tồn để phát triển và phát triển để bảo tồn.

Hai là, bảo tồn và phát triển làng nghề phải kết hợp phát triển hài hòa các cơ sở ngành nghề quy mô vừa và nhỏ, đa dạng hóa các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh trong các làng nghề, chú trọng phát triển các hợp tác xã, doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn ở làng quê.

Ba là, bảo tồn và phát triển làng nghề trên cơ sở phát huy sự tham gia của cộng đồng gắn liền với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, từng bước hình thành các thị trấn, thị tứ và phát triển nông thôn mới.

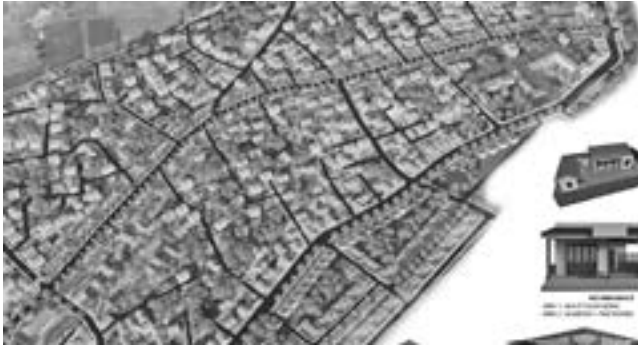
Bốn là, bảo tồn và phát triển làng nghề phải gắn với thị trường hội nhập kinh tế quốc tế, đẩy mạnh xuất khẩu, phù hợp phát triển kinh tế xã hội và phát huy lợi thế so sánh của mỗi vùng, mỗi địa phương, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo, giảm dần khoảng cách thu nhập giữa thành thị và nông thôn.

4. Giải pháp quy hoạch bảo tồn làng nón lá truyền thống thôn Tri Lễ

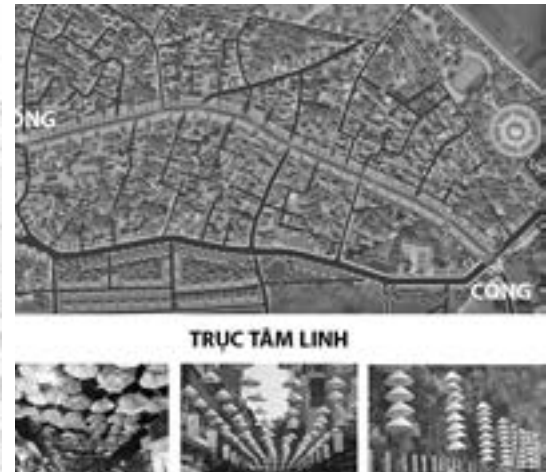
Quy hoạch khu vực trung tâm văn hóa lịch sử: Khu vực này cần phải được bảo tồn, nâng cấp ở mức cao nhất vì đây là nơi lưu giữ nét đặc trưng của làng. Khi nghề truyền thống



Hình 5. Minh họa không gian trung tâm văn hóa lịch sử làng sau quy hoạch



Hình 6. Giải pháp cải tạo chỉnh trang khu ở - sản xuất nghề truyền thống



Hình 7. Sơ đồ tổ chức trục đường tâm linh

khôi phục và có bước đi đúng đắn, đây sẽ là khu vực trưng bày một số không gian triển lãm và các sản phẩm thủ công truyền thống của làng.

Quy hoạch khu vực nhà ở - sản xuất nghề truyền thống

Bảo tồn, tôn tạo một số công trình nhà cổ truyền thống, nhà của nghệ nhân để làm điểm du lịch. Giữ gìn hoạt động sản xuất truyền thống, hạn chế việc sửa chữa, cơi nới tự phát nhằm đảm bảo điều kiện môi trường sinh thái và hài hòa với cảnh quan kiến trúc của làng nghề truyền thống.

Các ngôi nhà này cần được nâng cấp, cải tạo phục vụ cho du lịch tìm hiểu văn hóa làng nghề cũng như mở thêm một số dịch vụ như homestay. Mô hình nhà ở này vừa kết hợp sản xuất và kinh doanh, trưng bày những sản phẩm đặc trưng của hộ gia đình. Đặc biệt nó còn có khu ở dành cho khách du lịch muốn tham quan trải nghiệm.

Tổ chức tuyến tham quan và dịch vụ du lịch

Cải tạo trục đường chính bằng con đường tâm linh, trục lễ hội bắt đầu từ khu vực cổng vào làng, gồm có Đình làng Tri Lễ, đi qua Chùa Báo Ân và kết thúc ở cổng ra làng kết nối trung tâm xã Tri Lễ, từ đó phát triển cảnh quan tuyến đường.

Xây mới bổ sung các hạng mục như trung tâm giao lưu, không gian hội nghề, không gian trưng bày và bán hàng, bến xe và các dịch vụ kèm theo.

Khu vui chơi, giải trí: xây dựng khu công viên cây xanh, vườn hoa để tạo cảnh quan kiến trúc làng, phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi của dân làng và khách du lịch. Không gian nghỉ ngơi giải trí thể dục thể thao được bố trí kết hợp với không gian sinh hoạt

Giải pháp quản lý kiến trúc các công trình hiện có

Trong làng tồn tại một số công trình nhà ở, nhóm nhà ở có giá trị lịch sử & kiến trúc (nhà ở thuần nông hoặc kết hợp với sản xuất nghề truyền thống mang đặc trưng vùng đất



Hình 8. Sơ đồ bố trí nhóm công trình ở hiện có



Hình 9. Giải pháp cho không gian khu chợ



MÔ HÌNH NHÀ Ở

- HÌNH 1 : NHÀ Ở THUẬN NÔNG
- HÌNH 2 : HOMESTAY + TRẢI NGHIỆM



Hình 10. Giải pháp cho khu cây xanh làng

đồng bằng Bắc Bộ với khuôn viên vườn, sân, xưởng sản xuất, ao cá, 139 nhà chính, nhà ngang một tầng, mái dốc) phân bố rải rác tại các vị trí khác nhau

Giải pháp quản lý kiến trúc các công trình xây mới

Xây dựng chợ mới thay cho khu vực chợ tự phát ở Đình làng và giếng làng, nơi phát luồng hàng hóa, giao thương, tiêu thụ nông sản, sản phẩm thủ công, tiểu thủ công nghiệp, đây cũng là địa điểm thu hút phần lớn khách du lịch.

Bảo tồn các giá trị vật thể truyền thống gồm: giếng làng, ao, hồ, không gian mở

Thôn Tri Lễ có giếng làng to nhất hiện nay cùng với công trình di tích Đình làng được công nhận là Di tích quốc gia nên ngoài việc cải tạo chỉnh trang lại khu vực này thì cũng phải đảm bảo được việc bảo tồn giá trị văn hóa khu vực nơi đây. Ngoài ra, khu vực nghiên cứu còn có một trong hai con sông chính chảy qua trong toàn bộ Huyện Thanh Oai, đó là kênh Yên Cốc, là yếu tố có thể khai thác được để tạo nên cảnh quan đẹp cho toàn khu vực

Giải pháp phát huy vai trò cộng đồng dân cư tham gia công tác bảo tồn và phát triển du lịch làng nghề Tri Lễ

Đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá giới thiệu tiềm năng du lịch của thành phố, trong đó có sản phẩm du lịch của làng nghề. Nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ thợ thủ công mỹ nghệ có trình độ thẩm mỹ, kiến thức khoa học, sự hiểu biết về truyền thống và văn hóa làng nghề. Tuyên truyền, giáo dục ý thức cộng đồng, đồng thời công khai thông tin quy hoạch và quản lý xây dựng, bảo tồn phát triển làng để người dân có thể cùng đóng góp và tham gia.

5. Kết luận

Trong xu thế đất nước phát triển và giao lưu hội nhập quốc tế, công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa của làng nghề truyền thống là một nhiệm vụ đặc biệt ý nghĩa và làng nghề nón lá truyền thống thôn Tri Lễ có những đóng góp quan trọng trong tiến trình phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của địa phương. Sản phẩm nón lá Tri Lễ rất phong phú, không chỉ đẹp về mẫu mã, kiểu dáng, hình khối mà còn kết tinh những giá trị văn học, nghệ thuật, thẩm mỹ, tín ngưỡng của những người làm nghề nơi đây. Tuy nhiên, sau một thời gian phát triển, môi trường, hoạt động sản xuất & cảnh quan làng nghề nón lá truyền thống thôn Tri Lễ đang bị biến đổi bởi tác động của quá trình CNH & HĐH nông thôn.

Nhận thấy những vấn đề tồn tại trong thực trạng phát triển của làng nghề nón lá truyền thống thôn Tri Lễ, nhóm nghiên cứu đã tìm hiểu và đưa ra các ý kiến về giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị cảnh quan làng nghề phục vụ cho việc phát triển du lịch: Bảo tồn những không gian quần thể truyền thống, áp dụng với các công trình văn hóa lịch sử, nhà ở truyền thống, ao hồ, giếng nước, đồng ruộng. Bảo tồn và cải tạo không gian hoạt động làng nghề nhằm phục vụ cho nhu cầu tìm hiểu văn hóa làng nghề của du khách. Bên cạnh đó, nhóm đưa ra một số các giải pháp xây dựng thêm các công trình phục vụ cho du lịch: tổ chức các tuyến tham quan, vui chơi giải trí, khu trưng bày triển lãm. Giải pháp về xây dựng hạ tầng và xử lý môi trường làng nghề, phát huy vai trò cộng đồng dân cư tham gia công tác bảo tồn và phát triển du lịch làng nghề Tri Lễ cũng được chú trọng./.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Ái, Lê Du Phong, Hoàng Văn Hoa (chủ biên) (2002), *Ảnh hưởng của đô thị hóa tới nông thôn ngoại thành Hà Nội, thực trạng và giải pháp*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. André Donzel (2008), "Đô thị hóa vùng ven và nhà ở tại Pháp: Những thách thức về môi trường và xã hội", *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Các xu hướng đô thị hóa và đô thị hóa vùng ven ở Đông Nam Á, thành phố Hồ Chí Minh*, tr. 41-59.
3. Phạm Hùng Cường (LATS) (2001), *Chuyển đổi cấu trúc làng xã vùng ven đô thị lớn đồng bằng sông Hồng thành các đơn vị ở trong quá trình đô thị hóa*, Đại học Xây dựng, Hà Nội.
4. Đỗ Thị Lệ Hằng (2008), "Thực trạng chuyển đổi nghề nghiệp của cư dân vùng ven trong quá trình đô thị hoá", *Tạp chí Tâm lý học*, số 3, tr. 37-40.
5. Trương Minh Hằng và nhóm tác giả (2011), *Tổng tập nghề và làng nghề truyền thống Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Nguyễn Hữu Thắng (2010) *Phát triển làng nghề, doanh nghiệp làng nghề thủ công nhằm đẩy mạnh xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế*.
7. Đỗ Quang Dũng (2006) *Phát triển làng nghề trong quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn ở Hà Tây*.
8. Vũ Quốc Tuấn (2011), *Làng nghề trong công cuộc phát triển đất nước*. Nhà xuất bản Tri thức, Hà Nội.
9. Quyết định số 2636/QĐ-BNN-CB, 31/10/2011, của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc phê duyệt Chương trình Bảo tồn và Phát triển làng nghề.
10. Di sản văn hóa (2009) *Văn hóa Óc Eo-nhận thức và giải pháp bảo tồn phát huy giá trị di tích*, Nhà xuất bản Cục Di sản văn hóa.